TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã N, tỉnh Lâm Đồng (thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ).

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng (thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ); vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng (thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông cũ).

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng (thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Đỗ Minh T1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Đắk Nông (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông T1, Bà T sinh sống cùng ông bà nội tại thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng) cho đến khi ông T1 bị bắt đi chấp hành án. Sau khi ông T1 đi chấp hành án, cuối năm 2020 Bà T chuyển về sinh sống cùng ông bà ngoại tại thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Đến năm 2023, ông T1 chấp hành án xong về sinh sống ở nhà ông bà nội tại thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng) cùng với con chung là cháu Đỗ Minh Q, nhưng Bà T không quay về sống chung. Trong thời gian chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện nay đã sống ly thân, nên Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1. Trong thời gian chung sống ông T1, Bà T có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 03/10/2019 đang ở cùng ông T1. Khi ly hôn Bà T đồng ý giao con chung cháu Đỗ Minh Q cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Minh T1 đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng triệu tập hợp lệ, thông báo về yêu cầu khởi kiện của Bà T và thông báo về việc phiên hòa giải giữa các đương sự nhiều lần (tống đạt các văn bản tố tụng thông qua ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim C là cha mẹ đẻ của ông T1 và yêu cầu ông T, bà C thông báo cho ông T1 biết về việc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đang thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa bà Hoàng Thị T với ông Đỗ Minh T1; yêu cầu ông T1 viết bản tự khai và trình bày lời khai; ông Thế và bà Chung đã thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho ông T1 nhưng ông T1 vẫn không tham gia giải quyết vụ án. Ông Đỗ Xuân Thế và bà Nguyễn Thị Kim Chung (cha mẹ đẻ của ông T1) xác định: Ông T1 và Bà T đăng ký kết hôn năm 2020 và ở với ông bà tại thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng), khi ông T1 đi chấp hành án được một thời gian thì bà T về sinh sống với cha mẹ đẻ cùng thôn; khoảng tháng 7/2023 ông T1 chấp hành án xong nhưng bà T không quay về chung sống nên đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay; ông bà cho rằng ly hôn là giải pháp tốt nhất cho cả hai vợ chồng vì tuổi đang còn trẻ. Ông T1 và bà T có 01 con chung là Đỗ Minh Q đang sinh sống cùng với ông T1 và ông bà từ năm 2019 đến nay, cháu Q chưa đủ 07

tuổi nhưng khi được ông bà hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông T1 và ông bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Minh T1 đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân kh vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ thụ lý giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Hoàng Thị T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đỗ Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57,58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T đối với ông Đỗ Minh T1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đỗ Minh T1; về con chung: Giao con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 03/10/2019 cho ông Đỗ Minh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị T và ông Đỗ Minh T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lâm Đồng) ngày 26/10/2020. Trong quá trình chung sống giữa Bà T và ông T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay Bà T và ông T1 đã sống ly thân với nhau. Ngày 24/4/2025, Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông T1 và yêu cầu giải quyết nuôi con với ông T1. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông

Đỗ Minh T1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn 3, xã N, tỉnh Lâm Đồng (thôn 3, xã N, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông cũ), chỗ ở hiện nay tại thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng (thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Ông Đỗ Minh T1 và bà Hoàng Thị T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lâm Đồng) ngày 26/10/2020. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông bà không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ khi ông T1 đi chấp hành án đến nay. Vì vậy, có đủ căn cứ khẳng định ông T1 và Bà T đã không còn chung sống với nhau một thời gian, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông T1 và Bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T đối với ông T1 theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông Đỗ Minh T1 và bà Hoàng Thị T có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 03/10/2019 đang ở cùng với ông T1 tại nhà ông bà nội từ năm 2019 đến nay. Để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cũng như sự ổn định về nơi sinh sống của con chung Đỗ Minh Q, cần chấp nhận yêu cầu của Bà T, giao con chung Đỗ Minh Q cho ông Đỗ Minh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T đối với ông Đỗ Minh T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đỗ Minh T1.

1.2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 03/10/2019 cho ông Đỗ Minh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003458 ngày 06 tháng 05 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhân được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng (đăng ký số: 56/2020 ngày 26/10/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Diệu